

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2017/DS-ST

Ngày: 15-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
(vay tài sản và đòi tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2/ Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản và đòi tài sản)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Trần Tuyết N, sinh năm: 1990

Nghụ tại: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1988

Nghụ tại: Ấp B, xã C, huyện P, tỉnh Bình Dương.

3. *Người làm chứng:*

- NLC1

-NLC2

Nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng (NLC1) có mặt. Người làm chứng (NLC2) vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 5 năm 2017, bản tự khai ngày 12 tháng 5 năm 2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà N) trình bày:

Bà N có cho bà H vay tiền hai lần. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 18/9/2016 bà N cho bà H vay số tiền là 5.000.000 đồng. Bà H hứa đến ngày 30/9/2016 sẽ thanh toán. Khi vay bà H có làm giấy tay do chính bà H viết và ký tên.

Lần 2: Ngày 30/10/2016 bà N cho bà H vay 5.000.000 đồng. Bà H hứa hai tháng sau sẽ thanh toán. Bà H có làm giấy tay do chính bà H viết và ký tên. Nguồn gốc số tiền này là do bà H nợ tiền lãi là 1.200.000 đồng; tiền ăn uống, quần áo và tiền trả nợ thay cho chị bà H là 3.800.000 đồng.

Tổng cộng bà N cho bà H vay số tiền là 10.000.000 đồng.

Tuy nhiên đến hạn bà H không thanh toán số tiền trên, bà N yêu cầu bà H thanh toán nhiều lần nhưng không được. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền là 10.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi từ tháng 12/2016 đến tháng 4/2017 theo lãi suất là 1%/tháng.

Tại phiên tòa, bà N yêu cầu bà H trả tiền gốc là 8.800.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi. Bà N xin rút yêu cầu với số tiền gốc là 1.200.000 đồng và trả lãi là 400.000 đồng.

Ngoài ra, bà N không có ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2017 và tại phiên tòa bị đơn (bà H) trình bày:

Bà H thống nhất với lời trình bày của bà N về việc có vay tiền của bà N. Bà H có vay tiền của bà N một lần với số tiền là 5.000.000 đồng vào ngày 18/9/2016, khi vay bà H có làm giấy tay do chính bà viết và ký tên. Bà H có hứa 15 ngày sau sẽ trả. Nhưng sau đó bà không có khả năng trả nên chưa trả số tiền trên cho bà N. Sau đó bà có viết tiếp một giấy nợ ngày 30/10/2016 cho bà N với số tiền là 5.000.000 đồng. Số tiền này bà không nợ bà N mà chỉ là ghi lại số tiền đã mượn ngày 18/9/2016.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà thanh toán số tiền là 10.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi thì bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý thanh toán cho bà N số tiền là 5.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà N yêu cầu bà H trả số tiền là 8.800.000 đồng thì bà H không đồng ý. Bà H chỉ đồng ý trả số tiền là 5.000.000 đồng và tiền nợ ăn uống, quần áo. Đối với số tiền bà N trả thay cho chị bà H thì bà không đồng ý vì bà không vay mượn của bà N.

Ngoài ra bà H không có ý kiến gì khác.

* Ý kiến của NLC1: NLC1 không có nhờ bà N trả tiền thay cho bà.

* Ý kiến của NLC2: NLC2 làm chứng việc bà H chỉ làm giấy nợ mà không nhận số tiền 5.000.000 đồng ngày 30/10/2016.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Trần Tuyết N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H thanh toán số tiền là 10.000.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi từ tháng 12/2016 đến tháng 4/2017 theo lãi suất là 1%/tháng. Tại phiên tòa, bà N chỉ yêu cầu bà H thanh toán số tiền gốc là 8.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Nguồn gốc số tiền này từ việc bà H vay của bà N và nợ tiền ăn uống, quần áo, trả nợ thay cho chị bà H. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản và đòi tài sản)” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H có nơi cư trú tại ấp B, xã C, huyện P, tỉnh Bình Dương. Nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà N cho bà H vay tiền hai lần. Lần một bà N cho bà H vay vào ngày 18/9/2016 với số tiền là 5.000.000 đồng. Lần hai bà N tiếp tục cho bà H vay 5.000.000 đồng vào ngày 30/10/2016. Tổng cộng hai lần vay là 10.000.000 đồng. Bà N có chứng cứ chứng minh là hai giấy nợ đề ngày 18/9/2016 và ngày 30/10/2016. Bà H thừa nhận có vay 5.000.000 đồng ngày 18/9/2016 và hai giấy nợ do bà N cung cấp đúng là chữ ký của bà. Ngoài ra theo bà N và bà H đều cho rằng một phần là từ tiền nợ ăn uống, quần áo. Điều này thể hiện giữa bà N và bà H đã có phát sinh quan hệ hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản. Việc này được hai bên thừa nhận nên thuộc tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với giấy nợ ngày 18/9/2016 bà N yêu cầu bà H thanh toán số tiền 5.000.000 đồng. Bà H thừa nhận có vay và giấy nợ do chính bà H viết, ký tên. Đồng thời, bà H đồng ý trả số tiền này. Xét đây là sự tự nguyện của bà H nên ghi nhận.

[4] Đối với giấy nợ ngày 30/10/2016 thì bà H cho rằng không vay tiền của bà N mà chỉ làm lại giấy thừa nhận nợ ngày 18/9/2016. Bà H có người làm chứng là NLC2 (chị ruột của bà H) làm chứng việc bà H chỉ làm giấy nợ mà không nhận tiền ngày 30/10/2016 và NLC1 (chị ruột của bà H) làm chứng không nhờ bà N trả tiền thay. Bà N cho rằng số tiền 5.000.000 đồng theo giấy

nợ ngày 30/10/2016 có nguồn gốc là do bà H nợ tiền lãi số tiền vay ngày 18/9/2016 là 1.200.000 đồng; tiền ăn uống, quần áo và tiền trả nợ thay cho chị bà H là 3.800.000 đồng nên chỉ làm giấy nợ mà không giao tiền. Đối với giấy nợ này thì bà chỉ yêu cầu bà H thanh toán số tiền là 3.800.000 đồng, bà không yêu cầu số tiền 1.200.000 đồng. Bà H chỉ đồng ý trả tiền nợ quần áo, ăn uống mà không đồng ý trả tiền bà N đã trả nợ thay cho chị bà H. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H cho rằng số tiền bà N trả nợ thay cho chị bà H thì không phải nợ của bà là không phù hợp. Bởi lẽ: Bà H đã viết giấy nợ cho bà N ngày 30/10/2016. Đồng thời, theo nội dung giấy nợ ngày 30/10/2016 do chính bà H viết và ký tên thể hiện “Tôi tên Nguyễn Thị H có mượn Nguyễn Trần Tuyết N số tiền là năm triệu chẵn. Tôi xin hứa đúng hai tháng sẽ hoàn trả lại” mà không thể hiện việc bà H thừa nhận nợ trước đó. NLC1 làm chứng việc không nhờ bà N trả tiền thay, xét NLC1 là chị ruột của bà H nên lời khai của NLC1 không khách quan nên không chấp nhận. Ngoài ra bà H không đưa ra được chứng cứ chứng minh nào khác việc bà không nợ bà N số tiền này. Do đó bà N yêu cầu bà H thanh toán số tiền là 3.800.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, bà N xin rút một phần yêu cầu đối với số tiền gốc là 1.200.000 đồng và tiền lãi là 400.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của bà N nên ghi nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 92, 147, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 169, 256, 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản và đòi tài sản)” của bà Nguyễn Trần Tuyết N đối với bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Trần Tuyết N số tiền 8.800.000 đồng (tám triệu tám trăm ngàn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Trần Tuyết N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị H không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Trần Tuyết N đối với bà Nguyễn Thị H với số tiền nợ gốc là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng) và 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng) tiền lãi suất.

3/ Án phí:

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 440.000 đồng (bốn trăm bốn mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Trần Tuyết N 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà N đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0005286 ngày 12/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/9/2017)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện DT;
- CCTHA DS huyện DT;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh